

(Biểu mẫu 05)

UBND THÀNH PHỐ MỸ THO
TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒ VĂN NHÁNH

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông, năm học 2024 – 2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ đúng độ tuổi sinh năm 2018 và có hồ sơ hợp lệ.	Là học sinh lớp 1 đủ điều kiện lên lớp 2	Là học sinh lớp 2 đủ điều kiện lên lớp 3	Là học sinh lớp 3 đủ điều kiện lên lớp 4	Là học sinh lớp 4 đủ điều kiện lên lớp 5
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện đúng chương trình giáo dục phổ thông theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018	Thực hiện đúng chương trình giáo dục phổ thông theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018	Thực hiện đúng chương trình giáo dục phổ thông theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018	Thực hiện đúng chương trình giáo dục phổ thông theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018	Thực hiện đúng chương trình giáo dục phổ thông theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình học sinh trong việc chăm sóc, giáo dục HS. Tạo mọi điều kiện tốt nhất cho HS học tập, rèn luyện. - Đảm bảo thực hiện đầy đủ 3 mặt của 01 học sinh: - Học tập - Năng lực - Phẩm chất	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình học sinh trong việc chăm sóc, giáo dục HS. Tạo mọi điều kiện tốt nhất cho HS học tập, rèn luyện. - Đảm bảo thực hiện đầy đủ 3 mặt của 01 học sinh: - Học tập - Năng lực - Phẩm chất	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình học sinh trong việc chăm sóc, giáo dục HS. Tạo mọi điều kiện tốt nhất cho HS học tập, rèn luyện. - Đảm bảo thực hiện đầy đủ 3 mặt của 01 học sinh: - Học tập - Năng lực - Phẩm chất	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình học sinh trong việc chăm sóc, giáo dục HS. Tạo mọi điều kiện tốt nhất cho HS học tập, rèn luyện. - Đảm bảo thực hiện đầy đủ 3 mặt của 01 học sinh: - Học tập - Năng lực - Phẩm chất	Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình học sinh trong việc chăm sóc, giáo dục HS. Tạo mọi điều kiện tốt nhất cho HS học tập, rèn luyện. - Đảm bảo thực hiện đầy đủ 3 mặt của 01 học sinh: - Học tập - Năng lực - Phẩm chất
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	Trường có tổ chức cho HS tham gia các hoạt động sinh hoạt tập thể, tổ chức các ngày hội, hoạt động	Trường có tổ chức cho HS tham gia các hoạt động sinh hoạt tập thể, tổ chức các ngày hội, hoạt động	Trường có tổ chức cho HS tham gia các hoạt động sinh hoạt tập thể, tổ chức các ngày hội, hoạt động	Trường có tổ chức cho HS tham gia các hoạt động sinh hoạt tập thể, tổ chức các ngày hội, hoạt động	Trường có tổ chức cho HS tham gia các hoạt động sinh hoạt tập thể, tổ chức các ngày hội, hoạt động

		văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trải nghiệm và hoạt động ngoài giờ lên lớp.	văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trải nghiệm và hoạt động ngoài giờ lên lớp.	văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trải nghiệm và hoạt động ngoài giờ lên lớp.	văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trải nghiệm và hoạt động ngoài giờ lên lớp.	văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trải nghiệm và hoạt động ngoài giờ lên lớp.
V	Kết quả năng lực phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	100%HS thực hiện đầy đủ 3 mặt: - Học tập - Năng lực - Phẩm chất - HTCT lớp học đạt 93,5%.	100%HS thực hiện đầy đủ 3 mặt: - Học tập - Năng lực - Phẩm chất - HTCT lớp học đạt 99%.	100%HS thực hiện đầy đủ 3 mặt: - Học tập - Năng lực - Phẩm chất - HTCT lớp học đạt 100%.	100%HS thực hiện đầy đủ 3 mặt: - Học tập - Năng lực - Phẩm chất - HTCT lớp học đạt 100%.	100%HS thực hiện đầy đủ 3 mặt: - Học tập - Năng lực - Phẩm chất - HTCTTH đạt 100%.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ điều kiện học lên lớp 2	Đủ điều kiện học lên lớp 3	Đủ điều kiện học lên lớp 4	Đủ điều kiện học lên lớp 5	Đủ điều kiện học lên lớp 6

Phường 2, ngày 17 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ba

(Biểu mẫu 6)

UBND THÀNH PHỐ MỸ THO
TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒ VĂN NHÁNH

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục thực tế của trường tiểu học,
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Tổng số học sinh	501	103	107	92	91	108
II	Số học sinh học 2 buổi/ngày	501	103	107	92	91	108
III	Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất	501	103	107	92	91	108
1.	Phẩm chất chủ yếu						
1.1.	Yêu nước						
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	370/393 94,1%	85/103 82,5%	107/107 100%	92/92 100%	86/91 94,5%	
2	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	23/393 5,9%	18/103 17,5%	0	0	5/91 5,5%	
3	Cần cố gắng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0	
1.3.	Nhân ái						
1	Tốt	345/393	81/103	102/107	89/92	73/91	

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
	<i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	87,8%	78,6%	95,3%	96,7%	80,2%	
2	Đạt <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	48/393 12,2%	22/103 21,4%	5/107 4,7%	3/92 3,3%	18/91 19,8%	
3	Cần cố gắng <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	0	0	0	0	0	
IV	Số học sinh chia theo kết quả học tập						
1	Hoàn thành tốt <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	254/501 50,7%	51/103 49,5%	50/107 46,7%	52/92 56,5%	49/91 53,8%	52/108 48,1%
2	Hoàn thành <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	238/501 47,5%	46/103 44,7%	54/107 50,5%	40/92 43,5%	42/91 46,2%	56/108 51,9%
3	Chưa hoàn thành <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	9/501 1,8%	6/103 5,8%	3/107 2,8%	0	0	0
V	Tổng hợp kết quả cuối năm						
1	Lên lớp <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	492/501 98,2%	97/103 94,2%	104/107 97,2%	92/92 100%	91/91 100%	108/108 100%
a	Trong đó: HS được khen thưởng cấp trường <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>	254/501 50,7%	51/103 49,5%	50/107 46,7%	52/92 56,5%	49/91 53,8%	52/108 48,1%
b	HS được cấp trên khen thưởng <i>(tỷ lệ so với tổng số)</i>						

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp				
			Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
2	Ở lại lớp (tỷ lệ so với tổng số)	9/501 1,8%	6/103 5,8%	3/107 2,8	0	0	0

Phường 2, ngày 03 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ba

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
I	Số phòng học/số lớp	17/17	
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	17	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	02	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	7358 m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	CS1: 2 000 m ² CS2: 1 500 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	738 m ² - 4 phòng học: 48m ² = 192 m ² - 13 phòng học 42 m ² = 13 x 42=546 m ²	1,56 m ²
2	Diện tích thư viện (m ²)	42 m ² x 4 phòng = 168 m ²	0,35m ²
3	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m²)</i>	220 m ² x 2 phòng = 440 m ²	0,93 m ²
4	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m²)</i>	90 m ² (01 phòng 48 m ² ; 01 phòng	0,19m ²

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
		42 m2)	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	90 m2 (01 phòng 48 m2; 01 phòng 42 m2)	0,19m2
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)		
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	42 m2 x2 phòng = 84m2	1,18 m2
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	26,4 m2x 2 phòng= 52,8m2	0,11 m2
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	26,4 m2	0,06m2
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	607 bộ ĐDDH 2 ti vi; 2 máy chiếu	
1.2	Khối lớp 2	264 bộ ĐDDH; 3 tivi	
1.3	Khối lớp 3	Chưa có	
1.4	Khối lớp 4	Chưa có	
1.5	Khối lớp 5	Chưa có	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	Đủ	
2.2	Khối lớp 2	Đủ	

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân Số m ² /học sinh
2.3	Khối lớp 3	Chưa có	
2.4	Khối lớp 4	Chưa có	
2.5	Khối lớp 5	Chưa có	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	06	
2	Cát xét	00	
3	Đầu Video/đầu đĩa	02	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	11	
5	laptop	03	
6	Amply	02	

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	01 (20 m2)
XI	Nhà ăn	02 (80 m2)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	42 x4= 168 m2	65	2,9m2
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	04		06		0,32
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Phường 2, ngày 30 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ba

UBND THÀNH PHỐ MỸ THO
TRƯỜNG TIỂU HỌC HỒ VĂN NHÁNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường tiểu học, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	29			27	02			0	14	15	10	17	01	
I	Giáo viên	26			25	1			0	13	13	10	15	01	
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt	07			07	0			00	05	02	01	06	00	
1	Tiếng dân tộc														
2	Mỹ thuật	01			1					1			01		
3	Thể dục	02			2					1	1		02		
4	Âm nhạc	01			1					1			01		
5	Tiếng Anh	02			2					1	1	01	01		
6	Tin học	01			1					1		00	01		
II	Cán bộ quản lý	02			02						02	00	02	00	
1	Hiệu trưởng				1						1		01		
2	Phó hiệu trưởng				1						1		01		
III	Nhân viên	01			01					01					
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	01			01										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện														
7	Nhân viên thiết bị														
8	Nhân viên khác,....														

Phường 2, ngày 17 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ba

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Quy chế công khai năm học 2023 -2024 và kế hoạch triển khai Quy chế công khai của năm học 2024-2025

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO VÀ TRIỂN KHAI

Nhà trường kịp thời triển khai đến Hội đồng sư phạm các văn bản sau:

Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”,

Công văn số 3819/BGDĐT-GDTH ngày 31/7/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024;

Quyết định số 2457/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Kế hoạch nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm học 2023 – 2024 của ngành Giáo dục;

Công văn số 1219/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 25/8/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tiền Giang về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024;

Công văn số 1674/PGDĐT ngày 28/8/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Mỹ Tho về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2023-2024.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY CHẾ CÔNG KHAI NĂM HỌC 2023-2024

Nhà trường đã công khai các nội dung sau:

1. Các nội dung công khai

1.1.Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

- Cam kết chất lượng: điều kiện tuyển sinh vào lớp đầu cấp; thực hiện chương trình giảng dạy; công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh; những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh; điều kiện CSVC nhà trường cam kết phục vụ tốt cho học sinh (phòng học, thiết bị, tin học...); các hoạt động hỗ trợ cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh; tình hình đội ngũ giáo viên, nhân

viên và phương pháp quản lý nhà trường; kết quả học lực, hạnh kiểm; sức khỏe học sinh trong trường; khả năng tiếp tục học tập của học sinh.

- Chất lượng giáo dục thực tế: kết quả học sinh hoàn thành lớp học và hoàn thành chương trình Tiểu học tính theo từng khối lớp; số học sinh đạt giải trong các hội thi, giao lưu cấp thành phố, tỉnh; số học sinh nam, nữ từng khối lớp.

- Kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia: kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

- Kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, cơ quan chủ quản đánh giá (đánh giá ngoài) công nhận đạt hoặc chưa đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

1.2. Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Cơ sở vật chất: về số lượng và diện tích các phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh bán trú, sân chơi bãi tập được tính bình quân trên một học sinh; tổng số thiết bị phục vụ dạy học được tính bình quân trên một lớp; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện ánh sáng; kết nối thông tin mạng ADSL, tường rào bảo vệ trường.

- Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo, tổng số CB-CC, hình thức tuyển dụng theo NĐ 115 (biên chế, hợp đồng làm việc); các hình thức hợp đồng khác theo NĐ 68; trình độ đào tạo.

- Số lượng giáo viên, CBQL và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

1.3. Công khai thu chi tài chính

- Tình hình tài chính của nhà trường: công khai tài chính theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT.

- Các khoản chi theo từng năm học như: chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, chi tham quan học tập; mức thu nhập của giáo viên, CBQL (mức cao nhất, mức thấp nhất), chi thường xuyên, chi đầu tư sửa chữa, mua sắm.

- Kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hàng năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội.

1.4. Công khai chất lượng thực tế tại trường: Tổng số lớp, Số học sinh học 2 buổi/ ngày; Phẩm chất; Học tập.

1.5. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên tại trường.

2. Kết quả khắc phục các nội dung kiểm tra: Không.

III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÔNG KHAI NĂM HỌC 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”,

Căn cứ Công văn số 3898/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025;

Căn cứ Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 13/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

Căn cứ Công văn số 1556/SGDĐT-GDTH-GDMN ngày 16/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Tiền Giang về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024-2025 đối với giáo dục tiểu học;

Căn cứ Công văn số 1762/PGDĐT ngày 30/8/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Mỹ Tho về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học 2024- 2025 đối với giáo dục tiểu học.

1. Mục đích công khai

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung công khai

2.1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế

- Cam kết chất lượng: điều kiện tuyển sinh vào lớp đầu cấp; thực hiện chương trình giảng dạy; công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình học sinh; những yêu cầu về thái độ học tập của học sinh; điều kiện CSVC nhà trường cam kết phục vụ tốt cho học sinh (phòng học, thiết bị, tin học...); các hoạt động hỗ trợ cho việc học tập, sinh hoạt của học sinh; tình hình đội ngũ giáo viên, nhân

viên và phương pháp quản lý nhà trường; kết quả học lực, hạnh kiểm; sức khỏe học sinh trong trường; khả năng tiếp tục học tập của học sinh.

- Chất lượng giáo dục thực tế: kết quả học sinh hoàn thành lớp học và hoàn thành chương trình Tiểu học tính theo từng khối lớp; số học sinh đạt giải trong các hội thi, giao lưu cấp thành phố; số học sinh nam, nữ từng khối lớp.

- Kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia: kế hoạch thực hiện mức chất lượng tối thiểu và kết quả đánh giá mức chất lượng tối thiểu. Kế hoạch xây dựng cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được.

- Kết quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường: kế hoạch tổ chức kiểm định, báo cáo tự đánh giá, cơ quan chủ quản đánh giá (đánh giá ngoài) công nhận đạt hoặc chưa đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

2.2. Công khai về các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

- Cơ sở vật chất: về số lượng và diện tích các phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh bán trú, sân chơi bãi tập được tính bình quân trên một học sinh; tổng số thiết bị phục vụ dạy học được tính bình quân trên một lớp; số lượng máy vi tính; khu nhà vệ sinh; nguồn nước sinh hoạt; nguồn điện ánh sáng; kết nối thông tin mạng ADSL, tường rào bảo vệ trường.

- Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo, tổng số CB-VC, hình thức tuyển dụng theo NĐ 115 (biên chế, hợp đồng làm việc); các hình thức hợp đồng khác theo NĐ 111; trình độ đào tạo.

- Số lượng giáo viên, CBQL và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo.

2.3. Công khai thu chi tài chính

- Tình hình tài chính của nhà trường: công khai tài chính theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT.

- Các khoản chi theo từng năm học như: chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, chi cho các ngày lễ, tết, chi cho kế toán không có ưu đãi, chi thường xuyên, chi đầu tư sửa chữa, mua sắm,....

- Kết quả thực hiện chính sách về trợ cấp hàng năm và miễn, giảm học phí cho học sinh thuộc các đối tượng chính sách xã hội.

2.4. Công khai chất lượng thực tế tại trường

2.5. Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên tại trường.

3. Hình thức thời điểm công khai

3.1. Hình thức công khai:

- Công khai thông qua các phiên họp đầu năm học, Hội nghị Viên chức, buổi sơ kết, tổng kết.
- Công khai trong họp Hội đồng nhà trường.
- Công khai thông qua họp phụ huynh học sinh lớp, trường.
- Công khai qua cổng thông tin điện tử của nhà trường hoặc công khai niêm yết bản tin.

3.2. Thời điểm công khai:

- Trước 30 tháng 6 và trước 31 tháng 12 hằng năm
- Khi có yêu cầu, đột xuất.

4. Chế độ báo cáo

Chấp hành sự kiểm tra, giám sát của Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Mỹ Tho; báo cáo kịp thời về Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố Mỹ Tho khi có yêu cầu.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi:

- Có văn bản hướng dẫn của ngành.
- Được sự quan tâm hướng dẫn kịp thời của lãnh đạo các cấp.

2. Khó khăn: Không

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Ba
Nguyễn Thị Ba